

Khu BTTN Tiên Lãng

Tên khác

Cửa sông Thái Bình và Văn Úc

Tỉnh

Hải Phòng

Tình trạng

Đề xuất

Ban quản lý được thành lập

Chưa

Vĩ độ

20°37' - 20°41' vĩ độ Bắc

Kinh độ

106°36' - 106°42' kinh độ Đông

Vùng địa lý sinh học

06a - Nhiệt đới Nam Trung Hoa



Tình trạng bảo tồn

Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (FIPI) năm 1996 đã nghiên cứu vùng cửa sông Thái Bình thuộc hai huyện Thái Thụy (tỉnh Thái Bình), Tiên Lãng (tỉnh Hải Phòng) và cửa sông Văn Úc (tỉnh Hải Phòng) đã đưa ra đánh giá đây là những điểm đất ngập nước quan trọng đối với công tác bảo tồn đa dạng sinh học ở vùng ven biển của Châu thổ sông Hồng. Cũng theo kết quả nghiên cứu, hai tổ chức đã đề xuất thành lập một khu bảo tồn mở rộng từ cửa sông Diêm Điền ở tỉnh Thái Bình đến sông Văn Úc ở tỉnh Hải Phòng, và bao gồm ba điểm quan trọng nêu trên (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Tuy nhiên năm 1996, Ủy ban Nhân dân huyện Thái Thụy đã đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên cửa sông Thái Bình, huyện Thái Thụy (Nguyễn Huy Thắng *et al.* 2000), và tháng 7/1997, dự án đầu tư khu bảo tồn Thái Thụy được soạn thảo. Theo dự án đầu tư phạm vi khu bảo tồn bao gồm toàn bộ vùng bờ biển của huyện Thái Thụy (Anon. 1997). Do đó khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Tiên Lãng có thể chỉ bao gồm vùng biển của huyện Tiên Lãng, tỉnh Hải Phòng.

Vì khu Tiên Lãng chưa có dự án đầu tư nên khu vực này hiện chưa có trong bất cứ văn bản pháp lý nào liên quan đến đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, cũng như vậy ranh giới của khu Tiên Lãng chưa được xác định rõ. Theo Pederson và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã đưa ra diện tích của cửa sông Thái Bình thuộc Tiên Lãng với 2.000 ha và cửa Văn Úc 1.500 ha. Khu vực hiện tại do UBND huyện Tiên Lãng quản lý (FIPI 1998).

Địa hình và thủy văn

Khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Tiên Lãng với khoảng 13 km dài dọc theo bờ biển. Khu vực giáp với cửa sông Văn Úc về phía bắc và cửa sông Thái Bình về phía nam.

Đa dạng sinh học

Bờ biển của khu bảo tồn đề xuất Tiên Lãng có nhiều kiểu sinh cảnh, bao gồm bãi cát ngập triều, ao nuôi trồng thủy sản, cồn cát và bãi bồi ngập triều. Một số cồn cát đã được trồng Phi lao *Casuarina equisetifolia*. Khu bảo tồn đề xuất có 150 ha ao nuôi trồng thủy sản, trong đó 50 ha rừng ngập mặn ở phía nam cửa Văn Úc, ước tính tuổi của rừng ngập mặn khoảng hơn 100 năm

tuổi. Rừng ngập mặn già ưu thế bởi loài bản *Sonneratia caseolaris* và xen với các loài Trảng *Kandelia candel*, Sú *Aegiceras corniculatum* và Ô rô *Acanthus ilicifolius*. Hầu hết rừng ngập mặn già phát triển trong các đầm nuôi trồng thủy sản (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Ba loài chim bị đe dọa toàn cầu hoặc gần bị đe dọa đã quan sát thấy ở khu vực: Cò mỏ thìa *Platalea minor*, Mòng bể mỏ ngắn *Larus saundersi* và Cò quắm đầu đen *Threskiornis melanocephalus* (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996, Pederson *et al.* 1998). Năm 1996, 16 con Cò mỏ thìa và 30 con Mòng biển mỏ ngắn là số lượng lớn nhất đã đếm được tại đây (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các vấn đề về bảo tồn

Rừng ngập mặn trong các ao nuôi trồng thủy sản và chặt rừng lấy củi đun là đe dọa lớn nhất đối với rừng ngập mặn cao tuổi ở khu vực. Sử dụng súng hơi, súng săn và lưới mồi săn bẫy chim đã quan sát thấy ở đây trong quá trình khảo sát (Pederson và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các giá trị khác

Một số hoạt động kinh tế đã tiến hành ở khu bảo tồn để xuất bao gồm nuôi trồng thủy sản, thu thập các sản phẩm như cua biển, ốc biển và các hải sản khác, đánh cá gần bờ và chăn thả gia súc, gia cầm. Rừng ngập mặn già ở khu vực có giá trị tiềm năng văn hóa và giáo dục (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các dự án có liên quan

Trước năm 1996, dự án trồng rừng ngập mặn đã được thực hiện bởi ACTMANG, đã trồng được 50 ha trảng *Kandelia candel* ở bãi bồi ngập triều và xây dựng một vườn ươm bản *Sonneratia caseolaris* (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Tài liệu tham khảo

Anon. (1997) [Investment plan for Thai Thuy Wetland Nature Reserve, Thai Binh province]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

FIPI (1998) [Database for establishment of wetland protected areas network in Vietnam]. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Hai Phong City FPD (2000) [FPD questionnaire]. Hai Phong: Hai Phong City Forest Protection Department. In Vietnamese.

Le Dien Duc (1992) Final report on monitoring of hunting pressure on waterbirds on the Red River Delta, Vietnam. Unpublished report to Asian Wetlands Bureau.

Nguyen Huy Thang, Vu Van Dung, Nguyen Huy Dung and Ho Manh Tuong (2000) Information sheet on Ramsar wetlands: Thai Thuy wetland, Thai Thuy district, Thai Binh province, Vietnam. Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute.

Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) [The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta](#). Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Pedersen, A., Nielsen, S. S., Le Dien Thuy and Le Trong Trai (1998) The status and conservation of threatened and near-threatened species of birds in the Red River Delta, Vietnam. Bird Conservation International 8(1): 31-51